

# CÂU HỎI ĐUÔI (TAG QUESTION)

Biên soạn: **Hoàng Việt Hưng**  
 Page: **English - Trick Master**  
 Group: **Hội những người quyết tâm đạt điểm 8 môn tiếng Anh thi Đại học.**

\* Câu hỏi Đuôi là câu hỏi có dạng:

**S + V + O, TRỢ ĐỘNG TỪ + ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG?**

vd:

- He is smart, ISN'T HE?

(Nó thông minh phải không ?)

- Your children don't like animals, DO THEY?

(Con mày không thích động vật phải không ?)

=> Mục đích của câu hỏi đuôi là để tìm sự đồng thuận của người nghe hoặc để nhấn mạnh ý của câu. Tuy nhiên chúng ta chưa cần quan tâm đến cách dùng.

## I. PHẦN CƠ BẢN

### 1. CHUẨN BỊ

**A. Biết được TRỢ ĐỘNG TỪ và DẠNG PHỦ ĐỊNH CỦA CHÚNG của các THÌ và các CẤU TRÚC ĐẶC BIỆT (ĐỘNG TỪ KHIẾM KHUYẾT).**

=> các TRỢ ĐỘNG TỪ bao gồm:

- **do/ does/ don't/ doesn't** (Hiện Tại Đơn)
- **is/are/aren't/ isn't** (Hiện Tại Đơn, Hiện Tại Tiếp Diễn)
- **did/ didn't** (Quá Khứ Đơn)
- **have/ has/ haven't/ hasn't** (Hiện Tại Hoàn Thành, HTHT Tiếp Diễn)
- **was/ were/ wasn't/ weren't** (Quá Khứ Đơn, QK Tiếp Diễn)
- **will/ won't** (các thì Tương Lai)
- **had/ hadn't** (Quá Khứ Hoàn Thành)
- **can/ could/should/ can't/ couldn't/ should't/ may ....**  
(đây là các Khiếm Khuyết thông dụng cho loại này)

## B. Chuyển Danh từ về ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG (I/ we/ you/ they/ he/ she/ it).

=> Bình thường Chủ ngữ của câu là 7 Đại từ này thì không cần chuyển.

Vd: - **HE** was tired, wasn't **HE**?

Nhưng khi Chủ ngữ là 1 Danh từ thì ta phải đổi:

- **THE GIRL** didn't come there, did **SHE**?

- **My FATHER** has gone out, hasn't **HE**?

\* Đổi như sau

- người nam => **he**
- người nữ => **she**
- danh từ số ít chỉ vật => **it**
- danh từ số nhiều => **they**
- I + and + đối tượng khác => **we**
- you + and + đối tượng khác => **you**

## 2. CÁCH ĐẶT CÂU HỎI ĐUÔI

### A. Câu Khẳng Định => Trợ Động Từ Ở Dạng Phủ Định + Đại Từ Nhân Xưng

- The students **HATE** studying, **DON'T THEY**?

- You **WILL COME** back, **WON'T YOU**?

### B. Câu Phủ Định => Trợ Động Từ Ở Dạng Khẳng Định + Đại Từ Nhân Xưng

- The women **HAVEN'T UNDERSTOOD** the problem, **HAVE THEY**?

- She **DIDN'T WORK** yesterday, **DID SHE**?

## II. PHẦN NÂNG CAO

- Phần này đã **LOẠI BỎ** một vài dạng rất hiếm khi gặp và thi sẽ hiếm khi vào - nếu như bạn em thấy ở tài liệu khác có các phần anh chưa nêu ra ở đây thì có nghĩa anh khuyên bạn em **KHÔNG NÊN** học chúng !

-

**1. Câu KHẲNG ĐỊNH có các từ mang ý PHỦ ĐỊNH được tính là CÂU PHỦ ĐỊNH <=> Câu hỏi Đuôi ở dạng KHẲNG ĐỊNH**

- |                                 |                                    |
|---------------------------------|------------------------------------|
| - <b>never</b> (không bao giờ)  | - <b>scarcely</b> (hiếm khi)       |
| - <b>hardly</b> (hầu như không) | - <b>seldom</b> (hiếm khi)         |
| - <b>rarely</b> (hiếm khi)      | - <b>little</b> (ít khi, hiếm khi) |

Vd: - He **NEVER GETS** up early, **DOES HE?**  
(nó không bao giờ dậy sớm phải không ?)

**2. I AM.... dạng Khẳng định => dùng AREN'T I? ở câu hỏi đuôi.**

Vd: - I am right, **AREN'T I?**

\* Nếu I AM ở dạng PHỦ ĐỊNH thì vẫn dùng AM ở cuối câu:

Vd: - I am not wrong, **AM I?**

**3. LET'S => SHALL WE**

\* LET'S = LET US: chúng ta hãy

Vd: - LET'S come back home, **SHALL WE?**  
(chúng ta sẽ về nhà chứ ?)

**4. EVERYONE/ EVERYBODY (tất cả mọi người), SOMEONE/ SOMEBODY (một ai đó) => dùng THEY làm chủ ngữ cuối câu => dùng TRỢ ĐỘNG TỪ cho hợp lý.**

- EVERYONE came there, didn't **THEY?**

- EVERYBODY is happy, **AREN'T THEY?**

**5. NO ONE/ NOBODY => được coi là câu PHỦ ĐỊNH và dùng THEY làm chủ ngữ cuối câu => dùng TRỢ ĐỘNG TỪ cho hợp lý.**

- NO ONE is perfect, ARE THEY?

- NOBODY wants to go, DO THEY?

**6. NOTHING => được coi là câu PHỦ ĐỊNH và dùng IT làm chủ ngữ cuối câu.**

Vd: - NOTHING has become worse, HAS IT?

**7. CÂU MỆNH LỆNH – có ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ ĐÚNG ĐẦU CÂU => dùng WILL YOU?**

Vd: - FINISH your homework now, WILL YOU?

(có vài trường hợp có WON'T YOU nhưng hiếm gặp)

**8. THERE + BE (có gì đó) => dùng THERE làm chủ ngữ Đuôi.**

Vd: - THERE is a apple on the table, ISN'T THERE?

**9. I THINK/ I BELIEVE..... (tôi nghĩ/ tôi tin...) + S + V + O => câu hỏi đuôi được tính cho vế S + V + O.**

Vd:

- I THINK SHE DIDN'T ACCEPT his invitation, DID SHE?

- I THINK YOU HAVE LOST all your money, HAVEN'T YOU?

\* Chú ý: Đề ngoài có vài câu có dạng: "I DON'T THINK he is good, \_\_\_\_\_?" - và gây rối loạn, nhưng đề chính thức Chuẩn sẽ không bắt phân biệt nên có thể BỎ những câu như vậy.

**10. Chủ ngữ là THAT/ THIS => Chủ ngữ Đuôi dùng IT nếu là Vật, dùng HE/SHE nếu là Người. (THESE/ THOSE => dùng THEY).**

Vd: - THAT is a good book, isn't IT?

- THIS is your son, isn't HE?

## 11. MUST

- Dạng này rất lỏng lẻo nhưng chúng ta chỉ xét những cái phổ biến và hay gặp thôi.

### Loại 1: chỉ sự cần thiết hoặc cảm đoán

MUST (phải) => NEEDN'T

MUSTN'T (không được) => MUST

Vd:

- We must go now, NEEDN'T we?  
(Chúng ta phải đi bây giờ phải không?)

- They must not enter the house, MUST they?  
(họ không được vào nhà phải không?)

\*\*\*\*\*

### Loại 2: chỉ sự dự đoán ở mức chính xác cao – thường là MUST BE: “chắc hẳn là, chắc hẳn là phải” – dùng cho HIỆN TẠI.

=> dùng IS/ ARE (tùy chủ ngữ) làm trợ động từ cuối câu.

Vd:

- She must be sad now, ISN'T she?  
(Bây giờ cô ấy chắc hẳn đang buồn phải không?)

- They must be spies, AREN'T they?  
(Chúng chắc hẳn là gián điệp phải không?)

(MẸO: cứ có MUST BE thì nó thuộc loại này)

\*\*\*\*\*

### LOẠI 3: MUST HAVE DONE (chắc hẳn là đã làm gì) => dùng HAVE/ HAVEN'T, HAS/ HASN'T làm trợ động từ

(có thể có vụ gặp DID/ DIDN'T – nhưng không phải CHUẨN)

Vd:

- He must have seen something, HASN'T he?  
(Nó chắc hẳn là đã nhìn thấy gì đó phải đó)

## BÀI TẬP

### Bài 1: Một số câu hỏi Đuôi trong đề Đại học chính thức:

1. People don't like the way he shows off, \_\_\_\_\_?  
A. does he            B. do they            C. don't they            D. doesn't he
2. There has been a great increase in retail sales, \_\_\_\_\_?  
A. hasn't there        B. isn't there        C. isn't it            D. doesn't it
3. Canned food is not as healthy as fresh food, \_\_\_\_\_?  
A. isn't it            B. doesn't it        C. is it            D. does it
4. "Buy me a newspaper on your way back, \_\_\_\_\_?"  
A. will you            B. don't you        C. can't you        D. do you

### Bài 2: Viết Câu hỏi Đuôi dạng Cơ Bản.

1. He will return soon, \_\_\_\_\_?
2. Her dog didn't eat sausages, \_\_\_\_\_?
3. His aunt hadn't gone before, \_\_\_\_\_?
4. You are feeling tired, \_\_\_\_\_?
5. The actress accepted the role, \_\_\_\_\_?
6. The cat shouldn't leave home, \_\_\_\_\_?
7. The elephants weren't destroying the city, \_\_\_\_\_?
8. That guy usually plays tricks on others, \_\_\_\_\_?
9. Tom and Jerry could lift it, \_\_\_\_\_?
10. My uncle cut down the tree, \_\_\_\_\_?

**Bài 3: Viết Câu hỏi Đuôi dạng Nâng Cao.**

1. I'm supreme of all reality, \_\_\_\_\_?
2. There are many girls here, \_\_\_\_\_?
3. I think they failed to reach the top, \_\_\_\_\_?
4. The men never killed children, \_\_\_\_\_?
5. Wash the dishes, \_\_\_\_\_?
6. The actress must take that role, \_\_\_\_\_?
7. Let's drink wine, \_\_\_\_\_?
8. Everyone was disappointed, \_\_\_\_\_?
9. Your aunt must be happy with the gift, \_\_\_\_\_?
10. That wasn't my fault, \_\_\_\_\_?
11. My uncle hardly gets up late, \_\_\_\_\_?
12. The islands must be very beautiful, \_\_\_\_\_?
13. I am not cowardly, \_\_\_\_\_?
14. No one likes the girl, \_\_\_\_\_?
15. Nothing wrong has happened, \_\_\_\_\_?

**ĐÁP ÁN****Bài 1:**

1. B   2. A   3. C   4. A

**Bài 2:**

- |                |                   |
|----------------|-------------------|
| 1. won't he?   | 6. should it?     |
| 2. did it?     | 7. were they?     |
| 3. had she?    | 8. doesn't he?    |
| 4. aren't you? | 9. couldn't they? |
| 5. didn't she? | 10. didn't he?    |

**Bài 3:**

- |                  |                  |
|------------------|------------------|
| 1. aren't I?     | 9. isn't she?    |
| 2. aren't there? | 10. was it?      |
| 3. didn't they?  | 11. does he?     |
| 4. did they?     | 12. aren't they? |
| 5. will you?     | 13. am I?        |
| 6. needn't she?  | 14. do they?     |
| 7. shall we?     | 15. has it?      |
| 8. weren't they? |                  |